

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2025.

V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **An Văn Khoái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Hằng.
- Bà Phạm Thị Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N** - sinh năm 1982.

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn D** - sinh năm 1979.

ĐKHKT: Thôn B, xã T, Huyện G, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn D được tự do, tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương vào năm 1998. Tuy nhiên chị và anh D không đến UBND xã T, UBND xã Đ để đăng ký kết hôn vì khi đó chị N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Từ năm 2001 đến năm 2003 chính quyền địa

phương cũng đã vào vận động chị và anh D đến UBND xã đăng ký kết hôn nhưng do công việc bận nên cũng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Chị và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính nết vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về làm ăn kinh tế, anh D thường xuyên uống rượu say sỉ, mỗi lần say sỉ lại chửi bới, xúc phạm, đe dọa chị. Thu nhập của anh D làm ra thì không cùng chị lo toan cho gia đình...Đầu năm 2018, do mâu thuẫn chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhưng sau đó vì thương con nên chị quay lại sinh sống cùng anh D, đến cuối năm 2018 vợ chồng lại mâu thuẫn nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ ở hẳn cũng từ đó đến nay chị và anh D ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về quan hệ con chung: Chị và anh D có 03 con chung gồm Hoàng Tuấn A, sinh ngày 13/10/1999, Hoàng Việt A1, sinh ngày 20/9/2002 và Hoàng Minh H, sinh ngày 24/10/2012. Cháu Tuấn A, cháu Việt A1 đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Minh H đang ở với chị, nếu ly hôn chị xin nhận nuôi cháu H và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Hoàng Văn D trình bày:

Anh và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Anh và chị N mâu thuẫn khoảng 10 năm nay, vợ chồng cũng ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xin được ly hôn anh, anh đồng ý.

Về quan hệ con chung: Anh và chị N có 03 con chung gồm: Hoàng Tuấn A, sinh ngày 13/10/1999, Hoàng Việt A1, sinh ngày 20/9/2002 và Hoàng Minh H, sinh ngày 24/10/2012. Cháu Tuấn A, cháu Việt A1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Minh H đang ở với chị N, chị N xin nhận nuôi cháu H và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung anh đồng ý.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương xác định chị N và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn tại cơ

quan nhà nước có thẩm quyền. Từ năm 2001 đến năm 2003, chính quyền địa phương cũng đã tiến hành vận động anh D, chị N đi đăng ký kết hôn nhưng vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn, tính đến thời điểm này anh D và chị N vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014, Khoản 7 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề xuất:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn D.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Minh H, sinh ngày 24/10/2012. Hiện đang ở với chị N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Anh Hoàng Văn D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Bị đơn anh Hoàng Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh D nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương theo quy định tại Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Hoàng Văn D có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D chung sống với nhau trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu từ năm 1998 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định của pháp luật, không được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống chị N và anh D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ nhau, bất đồng quan điểm về cách sống, làm ăn kinh tế, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau mỗi người ở một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh D đã ở mức trầm trọng nên cần áp dụng quy định tại điểm b mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và luật hôn nhân gia đình năm 2000, 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh D.

3.2 Về con chung: Chị N và anh D xác định vợ chồng có 03 con chung gồm: Hoàng Tuấn A, sinh ngày 13/10/1999, Hoàng Việt A1, sinh ngày 20/9/2002 và Hoàng Minh H, sinh ngày 24/10/2012, cháu Tuấn A, cháu Việt A1 đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết. Cháu Hoàng Minh H đang ở với chị N được chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ổn định. Nguyên vọng của cháu H xin được ở với chị N. Chị N cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hoàng Văn D đồng ý để chị N nuôi cháu H. Xét thấy sự thỏa thuận nuôi con của chị N và anh D là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận đó.

3.3 Về án phí. Anh Hoàng Văn D phải chịu 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên Tòa chị N tự nguyện nộp thay nên được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số: 0000556 ngày 15/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014, Khoản 7 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề xuất:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn D.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Minh H, sinh ngày 24/10/2012. Hiện đang ở với chị N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số: 0000556 ngày 15/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THÁ dân sự huyện Gia Lộc;
- UBND xã Toàn Thắng;
- UBND xã Đoàn Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái